

Đương Sát: Nguyễn Hồng Phúc - Dương Nữ
 Cung mệnh: Kỷ Mão - Thai Nguyên: Mậu Dần
 Thân Nhược: Kim 18/50
 Dụng Thần: Hỏa

XemTuong.net
 lá số tử trù và bình giải

Trụ Năm 2020			Trụ Tháng 11			Trụ Ngày 23			Trụ Giờ 6:01		
Tỷ CANH	TÝ Quý Thương Đ.Vượng	Bệnh Tử	Quan ĐINH	HỢI	Thai Thai	Thân CANH	Quan NGỌ	Bệnh M.Dục	Án KỶ	MÃO Ất Tài Tử	Thai Bệnh
Tướng Tinh	Tử		Bệnh			Mộc Dục			Thai		
Đại Vận 0 (0 - 4 tuổi)			Đại Vận 1 (5 - 14 tuổi)			Đại Vận 2 (15 - 24 tuổi)			Đại Vận 3 (25 - 34 tuổi)		
Quan ĐINH	HỢI	Thai	Sát BÍNH	TUẤT	Mộ	Tài ẤT	DẬU	Tuyệt	T.Tài GIÁP	THÂN	Tuyệt
Giáp	Nhâm		Mậu Kiêu	Đinh Quan	Tân Kiếp	Tân Kiếp	Tân L.Quan		Canh Tỷ	Mậu Kiêu	Nhâm Thực
T.Tài	Thực		Mộ	Dưỡng	Q.Đói	L.Quan			L.Quan	Bệnh	T.Sinh
T.Sinh	L.Quan										
Đại Vận 4 (35 - 44 tuổi)			Đại Vận 5 (45 - 54 tuổi)			Đại Vận 6 (55 - 64 tuổi)			Đại Vận 7 (65 - 74 tuổi)		
Thương QUÝ	MÙI	Mộ	Thực NHÂM	NGỌ	Thai	Kiếp TÂN	TỴ	Tử	Tỷ CANH	THÌN	Dưỡng
Kỷ	Át	Đinh	Đinh Quan	Ký Án		Bính Sát	Mậu Kiêu	Canh Tỷ	Mậu Kiêu	Át Tài	Quý Thương
Án	Tài	Quan	Quan L.Quan	Án L.Quan		L.Quan	L.Quan	T.Sinh	Q.Đói	Q.Đói	Dưỡng
Q.Đói	Dưỡng	Q.Đói									
Đại Vận 8 (75 - 84 tuổi)			Đại Vận 9 (85 - 94 tuổi)			Đại Vận 10 (95 - 104 tuổi)			Đại Vận 11 (105 - 114 tuổi)		
Án KỶ	MÃO	Bệnh	Kiêu MÂU	DÀN	T.Sinh	Quan ĐINH	SỬU	Mộ	Sát BÍNH	TỴ	Thai
	Át		Giáp T.Tài	Bính Sát	Mậu Kiêu	Ký Án	Tân Kiếp	Quý Thương		Quý Thương	
	Tài		L.Quan	T.Sinh	T.Sinh	Mộ	Dưỡng	Q.Đói	L.Quan		
Tỷ CANH	2020 TÝ	1 tuổi Tử	Kiếp TÂN	2021 SỬU	2 tuổi Dưỡng	Thực NHÂM	2022 DÀN	3 tuổi Bệnh	Thương QUÝ	2023 MÃO	4 tuổi T.Sinh
Tài ẤT	2025 TỴ	6 tuổi M.Dục	Sát BÍNH	2026 NGỌ	7 tuổi Đ.Vượng	Quan ĐINH	2027 MÙI	8 tuổi Q.Đói	Kiêu MẬU	2028 THÂN	9 tuổi Bệnh
Tỷ CANH	2030 TUẤT	11 tuổi Suy	Kiếp TÂN	2031 HỢI	12 tuổi M.Dục	Thực NHÂM	2032 TỴ	13 tuổi Đ.Vượng	Thương QUÝ	2033 SỬU	14 tuổi Q.Đói
Tài ẤT	2035 MÃO	16 tuổi L.Quan	Sát BÍNH	2036 THÌN	17 tuổi Q.Đói	Quan ĐINH	2037 TỴ	18 tuổi Đ.Vượng	Kiêu MÂU	2038 NGỌ	19 tuổi Đ.Vượng
Tỷ CANH	2040 THÂN	21 tuổi L.Quan	Kiếp TÂN	2041 DÂU	22 tuổi L.Quan	Thực NHÂM	2042 TUẤT	23 tuổi Q.Đói	Thương QUÝ	2043 HỢI	24 tuổi Đ.Vượng
Tài ẤT	2045 SƯU	26 tuổi Suy	Sát BÍNH	2046 DÀN	27 tuổi T.Sinh	Quan ĐINH	2047 MÃO	28 tuổi Bệnh	Kiêu MẬU	2048 THÌN	29 tuổi Q.Đói
Tỷ CANH	2050 NGỌ	31 tuổi M.Dục	Kiếp TÂN	2051 MÙI	32 tuổi Suy	Thực NHÂM	2052 THÂN	33 tuổi T.Sinh	Thương QUÝ	2053 DÂU	34 tuổi Bệnh
Tài ẤT	2055 HỢI	36 tuổi Tử	Sát BÍNH	2056 TỴ	37 tuổi Thai	Quan ĐINH	2057 SỬU	38 tuổi Mộ	Kiêu MẬU	2058 DÀN	39 tuổi T.Sinh
Tỷ CANH	2060 THÌN	41 tuổi Dưỡng	Kiếp TÂN	2061 TỴ	42 tuổi Tử	Thực NHÂM	2062 NGỌ	43 tuổi Thai	Thương QUÝ	2063 MÙI	44 tuổi Mộ
Tài ẤT	2065 DÂU	46 tuổi Tuyệt	Sát BÍNH	2066 TUẤT	47 tuổi Mộ	Quan ĐINH	2067 HỢI	48 tuổi Thai	Kiêu MẬU	2068 TỴ	49 tuổi Thai
Tỷ CANH	2070 DÀN	51 tuổi Tuyệt	Kiếp TÂN	2071 MÃO	52 tuổi Tuyệt	Thực NHÂM	2072 THÌN	53 tuổi Mộ	Thương QUÝ	2073 TỴ	54 tuổi Thai

Tài ẤT	2075 MÙI	56 tuổi Dưỡng	Sát BÌNH	2076 THÂN	57 tuổi Bệnh	Quan ĐINH	2077 DẬU	58 tuổi T.Sinh	Kiêu MẬU	2078 TUẤT	59 tuổi Mộ	Án KỶ	2079 HỢI	60 tuổi Thai
-----------	-------------	------------------	-------------	--------------	-----------------	--------------	-------------	-------------------	-------------	--------------	---------------	----------	-------------	-----------------

Kim Hỏa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc lá số tú trụ này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Cháu hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Cháu không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trụ, bát tự hay tú trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bồi khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Cháu dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Cháu nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Cháu cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Cháu đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTuong.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Cháu mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tú Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là Canh Kim gấp địa chi trù năm [Tý Thủy](#) được Thông căn Mộ *.

Nhật nguyên là Canh Kim gấp địa chi trù tháng [Hợi Thủy](#) được Thông căn Dư Khí *.

Nhật nguyên là Canh Kim gấp địa chi trù ngày [Ngọ Hỏa](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là Canh Kim gấp địa chi trù giờ [Mão Mộc](#) không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 3/10

Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm Canh sinh tháng **Hợi** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Đinh** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Canh** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Kỷ** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Mậu Dần** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: **Át Mùi** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Mậu Dần và Át Mùi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp cung mệnh **Kỷ Mão** nạp âm là **Thổ** là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Cháu phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ năm Canh **Tý** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ tháng **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ ngày Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ giờ **Kỷ Mão** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi già cuộc sống bình hòa.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thợ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Đinh Hợi** là **Thủy** khắc **Hỏa**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Canh **Ngọ** là **Hỏa** khắc **Kim**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Kỷ Mão** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này hơi xấu, nhưng sương mù che lối, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và có thể thực hiện những việc quan trọng mà tránh được rủi ro.

Điểm 2/8

Xét thiên can địa chi trù ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Canh Ngọ và Canh Tý này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Canh Ngọ và Đinh Hợi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Canh Ngọ và Kỷ Mão này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Nhược: Kim 18/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Cháu có Thân Kim Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **18/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **14/36** điểm cũng là thân Nhược do đó rất chắc chắn Quý Cháu là **Thân Nhược** Kim. Để Quý Cháu Gái rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân

vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược Kim thì dụng thần nên là **Thổ** để sinh thêm Kim, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Cháu là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Cháu là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phun, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Cháu là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Cháu khỏi chêt rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Cháu không chêt úng.

Dụng Thần: **Hỏa**

Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 1)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Cháu vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bùn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **HỎA**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Cháu nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Cháu là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Cháu là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Cháu hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Cháu có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Cháu, ví dụ chữ dụng thần Quý Cháu có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Cháu hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Cháu, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Cháu mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Canh Tý bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính**
www.XemTuong.net

Ngọ.

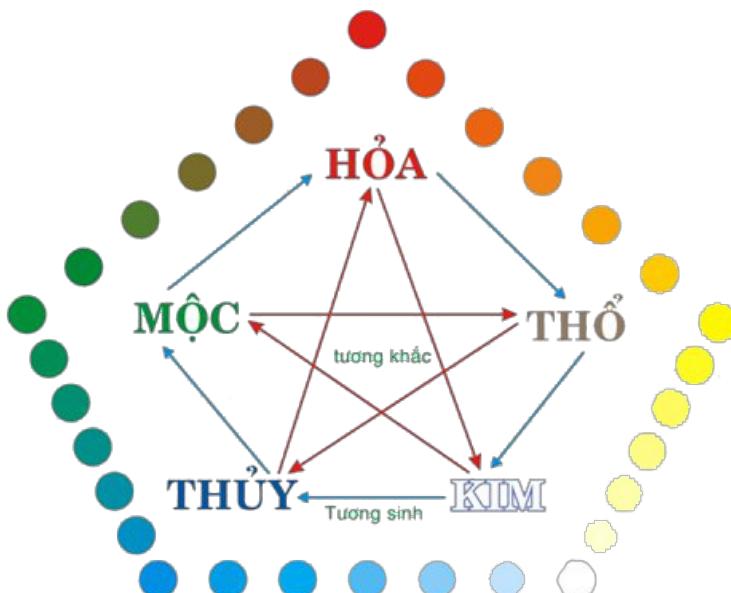
Trụ Tháng Đinh Hợi bị Quý Tỵ thiêu khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Quý Tỵ.

Trụ Ngày Canh Ngọ bị Bính Tý thiêu khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Bính Tý.

Trụ Giờ Kỷ Mão bị Ất Dậu thiêu khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Ất Dậu.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiêu khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiêu can địa chi "thiêu khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiêu khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiêu khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Chú nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Chú, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Chú hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiêu khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	HỎA	THỔ	KIM	THỦY
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thê đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não

Ngũ hành	Mộc (gan)	HỎA (tim)	Thổ (hệ tiêu hoá)	Kim (phổi)	Thủy
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Kim

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Kim có nước da trắng hồng, đầu, trán và gương mặt cân đối, tai trắng, răng trắng; môi và lưỡi đỏ, cầm vuông, nhân trung sâu; tóc thưa, sợi nhỏ và xanh mướt; tay tròn trịa, hai bàn chân không khuyết, da lưng bàn tay đầy đặn, cứng dẽ; lưng tròn, bụng tròn, rốn sâu, tiếng nói thanh tao. Nhìn chung người thuộc Kim có số phận khá tốt, dù có đang gặp cảnh cơ hàn vẫn tin tưởng vào một tương lai sáng lạn.

Nhìn chung, người thuộc Kim hợp với phương Tây, có thể theo nghề kinh doanh hoặc các nghề có liên quan tới kim loại, có tính cứng rắn, quyết đoán, võ thuật, giám định, khai thác...

Quý Cháu Người Thuộc Kim Nhược

Người mà Kim nhược thì vóc dáng gầy, nhỏ, tư cách vô tình, có khi nham hiểm, tham dâm, háo sát. Đặc biệt, đây là mẫu người tham lam vô bờ bến và biền lận. Người mà Kim quá suy cũng dễ mắc những bệnh như người thuộc Kim quá vượng như bệnh về đại tràng, phổi, gan, trĩ, vùng rốn hoặc các bệnh về da, mũi, khí quản.

Cung Mệnh ở Mão có sao Thiên Xích

Quý Cháu khảng khái hào phóng, có quyền khiêm tốn mới bền.

Trụ năm của Quý Cháu có Tỷ

Trụ năm có tỷ kiên (tỉ) có khuynh hướng độc lập tự thân vận động.

Trụ tháng của Quý Cháu có Chánh Quan

Trụ tháng có chính quan (quan) là em trai trên có anh chị được bố mẹ nuông chiều, một đời ít vất vả. Kỵ năm hoặc giờ can có thương quan thì khắc tốn tuy nhiên nếu có chính tài hoặc thiên tài, hay chính án thì có thể giải được. Ngoài ra nếu chính quan tọa tướng tinh thì song thân quyền quý hiển đạt; là người chính trực đôn hậu.

Trụ ngày của Quý Cháu có Chánh Quan

Trụ ngày có chính quan thì người thông minh đôn hậu, có đủ năng lực, mưu lược ứng biến. Ngày chủ vượng gặp vận tài phát đại phúc. Nam mệnh thì có vợ đoan trang hiền淑. Nữ mệnh thì được chồng tốt.

Trụ giờ của Quý Cháu có Chánh Án

Trụ giờ có chính án (án) thì con cái thông minh nhân từ. Nếu can chi đều chính án thì thích mưu sự, không lo

kết sinh nhai. Trường hợp tháng can có chính quan sinh ân, giờ có chính ân thì khi gặp năm vận quan ân thì hiển vinh phát đạt. Nếu mệnh tọa vượng địa thì được con cái hạnh phúc có hiếu.

Tú trụ của Quý Cháu có quá nhiều Chánh Quan

Chính quan quá nhiều trong tú trụ thì có sự khắc chế trói buộc trở thành nhu nhược, năng lực yếu. Mặt khác báo việc gia đình không đầy đủ, tiền đồ học hành có cản trở, nếu không có ân mạnh hoá giải cứu trợ thì không hay. Chính quan không nên gặp Thương quan, vì hoạ có thể đến. Nhưng có trường hợp Chính quan nhiều mà gặp Thương quan thì lại hay.

Chi năm và chi ngày xung

Năm chi và ngày chi xung: Với người thân bất hòa.

Trong trụ của Quý Cháu có Tiền Thần Quý

Tiền thần quý chủ tính ngay thẳng quyết đoán, gặp việc cứ tiến hành thì tốt nhưng lùi bước ngược lại thành xấu. Mệnh nữ nếu ngày tiền thần lại có sao đào hoa (hàm trì, diên trì) cùng trụ thì dung mạo đẹp đẽ nhưng hiếu sắc, nếu có mang sao quan là mệnh nghiêng nước nghiêng thành.

Trong tú trụ Quý Cháu có Phi Nhận

Phi Nhận cho biết Quý Cháu hay đầu cơ tích trữ, kiêu ngạo, dễ bị sa sút phá sản.

Tú Trụ của Quý Cháu có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tú Trụ của Quý Cháu có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tú Trụ của Quý Cháu có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Trụ giờ có Chính ân và Dương nhãn cùng trụ

Chính ân và Dương nhãn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Trong tú trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

- a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tưu sắc phá gia tài.
- b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.
- c: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

Trong tú trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

- a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.
- b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhãn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.
- c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Thiên xá (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Thiên xá là ngôi sao gặp hung hóa cát, sao giải tai hoạ. Trong mệnh gặp nó là có cứu. Đặc biệt đối với người có tội là có dịp may được hoàng đế đại xá, cho nên là sao tốt.

Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dũng mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát.

Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tú trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chét chóc. Sát đi với thuỷ, hỏa phải đề phòng bỗng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đồ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ấn thụ là tốt.

Giảo (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba trước mệnh là giảo. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba sau mệnh là giảo. Giảo nghĩa là trói buộc, cột vào. Mệnh gặp Cát Giảo hai sát đó thân bị khắc sát, nhưng nhiều cơ mưu, chủ về nắm các việc hình pháp hoặc là tướng soái, những việc sát phạt. Gặp cả hai Cát Giảo càng nặng, gặp một thì nhẹ hơn, đi với quan sát thì nặng. Ngày hoặc tuế vận gặp giảo là chủ về tai nạn nát thân.

Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong túc là mắt, mắt từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bắn thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt tức là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu tức là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẩn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghiệp nhờ việc công.

Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nói được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Hàm trì / Đào hoa

Người mà tú trụ gặp đào hoa, không những bắn thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mồ kho, thuận tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tú trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên át quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thân" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương túc thực thân kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muôn vương lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không

giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xuong quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Cháu gấp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gấp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm Quý Cháu sinh hợp với nhật nguyên thì được cha mẹ yêu.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bao đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.

Thiên tài gấp tuần không, vong là đất tử tuyệt túc mẹ mất sớm.

Ấn bị xung khắc là mẹ hiền nhưng mất sớm.

Ấn thụ bị khắc là mẹ không chết thì cũng đi xa.

Trong Tứ trụ Quý Cháu tài nhiều làm tổn thương ấn

Trong Tứ trụ tài nhiều làm tổn thương ấn thì tuổi trẻ đã khắc mẹ. Ấn bị thương nên mẹ mất sớm. Tuổi nhỏ đã mất mẹ chỉ vì trong Tứ trụ tài nhiều làm cho ấn bị chết.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nối sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Án thụt không bị thương tổn, lại còn sinh cho thân thì nhà cửa sang quý.

Tài tàng, quan thầu thì nét nhà thịnh vượng.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Trụ năm là thất sát, tì kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Trụ năm có thất sát, tì kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Trụ tháng Quý Cháu gặp quan tinh là anh em quý trọng nhau.

Lệnh tháng Quý Cháu gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Cháu về hôn nhân như sau.

Quý Cháu Nữ tuổi Canh **Tý** hợp với Nam tuổi **Nhâm Dần - Mậu Thân - Kỷ Dậu** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Cháu có thể tuỳ ý chọn.

Nam gặp tì kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tì kiếp sẽ tranh chồng.

Chính quan hoặc thất sát là chồng, chi ngày là sao chồng.

Xem mệnh nữ trước hết phải xem sao chồng để xác định chồng sang hay nghèo hèn, chồng sang vợ mới sang. Mệnh nữ lấy nhu làm phúc, lấy cương làm hại, lấy trong làm kỳ diệu, lấy đục làm thấp hèn. Sự phú quý hay bần tiện của mệnh nữ toàn dựa vào chồng con. Năm là bố chồng, thai là mẹ chồng, tháng là chị em dâu, ngày là chồng và mình, giờ là con cái.

Quý Cháu có Sao chồng đóng ở ngày làm dụng thần, chủ về chồng đại quý, vợ chồng hòa thuận.

Quý Cháu Mệnh nữ có một quan hay một sát rõ là tốt.

Quý Cháu Mệnh nữ không có sát, có một quý là vợ lấn át chồng.

Quý Cháu có Quan cùng với đào hoa nhất định là có chồng tốt làm triều đình.

Quý Cháu có Quan sát không hỗn tạp lẫn nhau, lại còn có án phù là chồng sẽ đăng khóa.

Quý Cháu Nữ mà quan tinh nhiều thì làm hại chồng.

Nữ vận hành đến đất tì kiếp thì làm trở ngại chồng, khắc cha.

Có nghĩa là đến năm nào có TÝ thì năm đó làm trở ngại chồng, khắc cha

Quý Cháu Mệnh nữ có quan tinh khi hành đến quan vận thì sẽ khắc chồng.

Quý Cháu Quan tinh gặp tuần không vong, ngày sinh vô khí là người không có chồng, nếu có thì cũng luôn luôn sợ chết chồng.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tú trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tú trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đôi với từng người là thế, đôi với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tài nên tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Cháu có tài tàng ẩn

Quý Cháu có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Cháu có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Quý Cháu thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Cháu có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Quý Cháu có Thực thần gặp án là tiền của ngày một nhiều.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quý Cháu Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Quan tinh Quý Cháu là lộc, tài tinh là mĩ, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Cháu có Ân nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Cháu có 1 Tài ẩn

Tú trụ Quý Cháu không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quan Vận

Quý Cháu có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Cháu Ân lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Quý Cháu có Quan Ân không có Nhẫn không có Sát, quan vị thanh cao.

Quý Cháu có Thương Quan gấp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Cháu Vào ra nơi quyền quý, trên đầu quý nhân phải là Quan tinh (Trụ tháng có Thiên Ất quý nhân).

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quan tinh không nên thấy cả hai, sợ rằng làm quan không lâu.

Quý Cháu có Tài Quan Ân đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Quý Cháu có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.

Quý Cháu Có Ân không có Sát thiếu uy phong.

Ân Quý Cháu bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Nghề Nghiệp

Quý Cháu có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Cháu có Quan Ân rõ ràng, nên học chính trị hay pháp luật.

Quý Cháu có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Cháu có Thực Thương sinh Tài, nên học thương nghiệp, tiền tệ, tài chính, mậu dịch hoặc ngành nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật.

Chính Quan Quý Cháu là hỏa, cá tính rất mạnh, cho nên thường “Lộ thấy bất bình, bạt đao tương trợ”, có uy, cũng hợp nghề văn hóa, giáo dục, nghệ thuật.

Quý Cháu có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh được phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Cháu có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Cháu có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Hỏa

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lắc át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Cháu Trong Tứ trụ không có sao con, trụ giờ lại không vượng thì khi đến đại vận lưu niên nếu có quan sát vượng mới có con cái, quá vận đó thì không có con nữa.

Trong Tứ trụ Quý Cháu gặp quan nhiều là con gái nhiều, con trai ít

Trụ nhật Quý Cháu làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Can giờ Quý Cháu suy là sinh con gái.

Ấn gấp ngôi con là Quý Cháu được vinh hiển nhờ con.

Quý Cháu có Đào hoa đóng ở trụ giờ là con cái đẹp, thông minh, phong lưu.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Sinh vào ngày giờ canh thì mặt vuông, trán rộng.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có 3 chữ thổ thì sinh ngoài bãi, bờ đê, hoặc chốn công trường.

Người sinh vào các giờ tí, ngọ, mão, dậu là lúc sinh ra nambi ngủa.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh cùn gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con tra. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Cháu có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Cung con cái Quý Cháu ở hưu, tú, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Quý Cháu thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Quý Cháu Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Quý Cháu có Thương quan vượng quá là nuôi con chị em gái.

Mão dậu đóng Quý Cháu ở trụ giờ thì mắt to hoặc là mắt hiếng, bình thường hay lêu lổng chơi bời, thích xa rời cha mẹ. Nếu trong trụ có hình khắc thì có thể chột mắt.

Quý Cháu Mệnh nữ gặp mộc dục nếu là con đầu thì phải đề phòng dễ chết.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Cháu Sinh mùa đông, mạng không có hỏa, chi dưới bị hàn lạnh.

Quý Cháu có Thương quan bị chế phục thái quá, đề phòng mắt đau, chân đau.

Kim quá nhược hoặc tử tuyệt, chú ý khí hư, ho, da khô, đau khớp, lòi dom, đi tiêu ra máu, hô hấp không thông suốt, dễ cảm mạo, nếu nặng thì có thể bị bệnh phổi.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tý sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta đều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Cháu

hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Dói	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiến Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Cháu hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tú trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Cháu có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bối cự các sao của trụ..., nếu Quý Cháu chưa biết gì về tú trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương	Dưỡng		Thương	Dưỡng		Thần	Tỷ	Suy	T.Tài	Dưỡng	
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THİN	Dưỡng	KY	MÙI	Q.Đói	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh Thương Dưỡng	Mậu Kiếp Q.Đói	Nhâm Tài Mộ	Mậu Kiếp Q.Đói	Át Sát Q.Đói	Quý T.Tài Dưỡng	Kỷ Tỷ Suy	Át Sát Q.Đói	Đinh Kiêu Suy	Tân Thực Mộ		

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Cháu Gái
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Cháu Gái
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Cháu Gái
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Cháu Gái

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế Tỷ và Kiếp. Thân vượng tài như cát thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn như cát thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, truy lạc...

3. Án (Chánh án) là cái sinh ra tói, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, án có nghĩa là con dâu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính án là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính án, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính án, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tói, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, khắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tói (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bè ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ân đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc họ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộc địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyễn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gấp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thường, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo

sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cháu. Quý Cháu có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cháu.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net